CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái

Ngày 30/06/2025	37,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.3%	**-2.1%**	**-9.7%**

DT thuần
Q2/25
166
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.00| 0.6%
YoY: ▲ 97.4| 142%

LN thuần
Q2/25
21.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.9| 23239%
YoY: ▲ 16.7| 387%

LN sau thuế
Q2/25
16.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.9| 84600%
YoY: ▲ 13.8| 440%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
12.6%
YoY: +/-▲ 12.6%

ROE (TTM)
Q2/25
12.7%
YoY: +/-▲ 5.9%

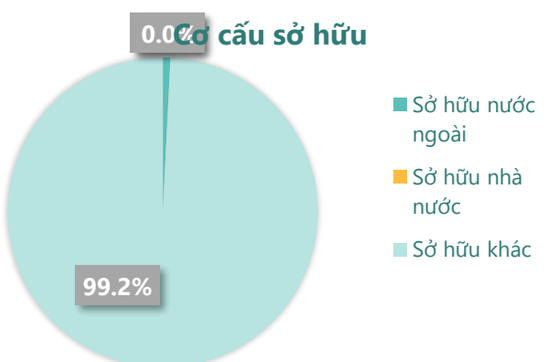
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	33,300 - 50,547
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	576
Số lượng CPLH (CP)	15,269,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,285
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.87
EPS	1,844
P/E	20.4

DT thuần
6T 2025
331
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 160| 93.7%

LN thuần
6T 2025
21.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.20| 42.0%

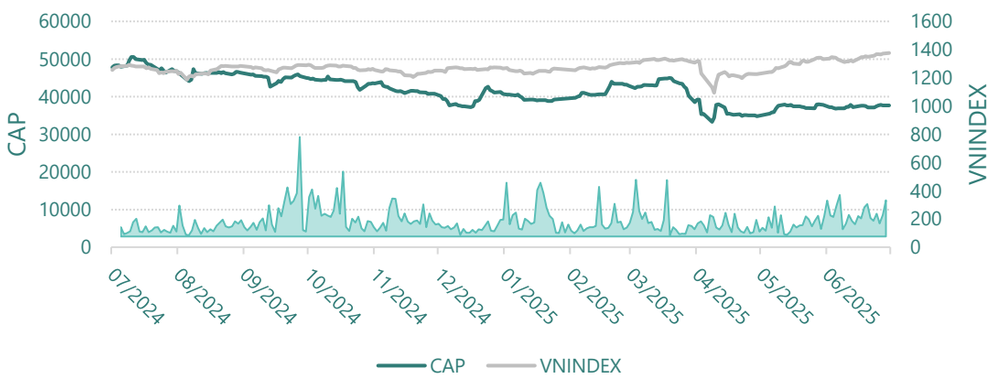
LN sau thuế
6T 2025
16.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.50| 48.0%

Cơ cấu sở hữu

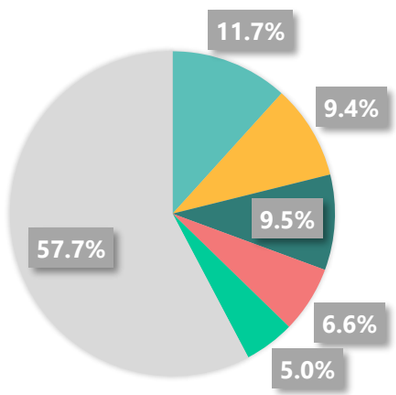


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

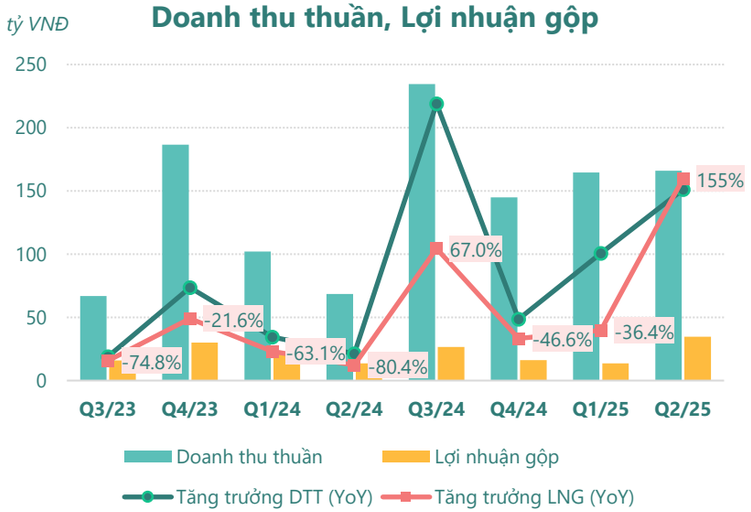


- Hoàng Thị Bình (Thành viên HĐQT)
- Lê Xuân Lương
- CTCP Gentraco
- Trương Ngọc Biên (Chủ tịch HĐQT)
- Trương Thị Hoàng Yến
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

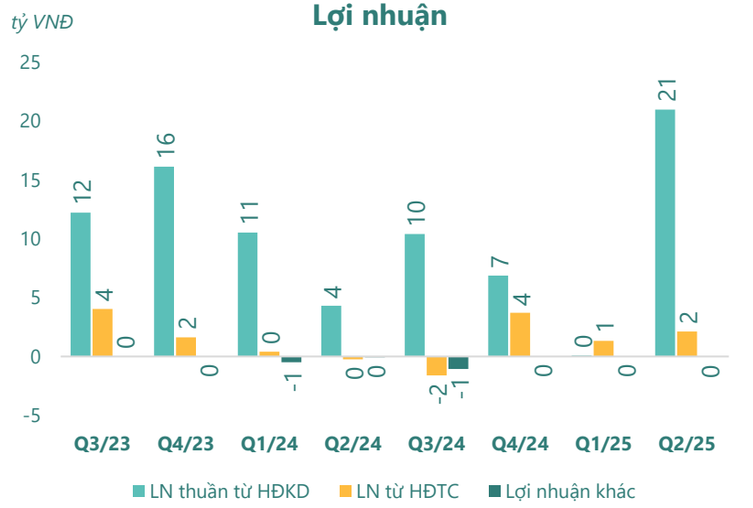
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



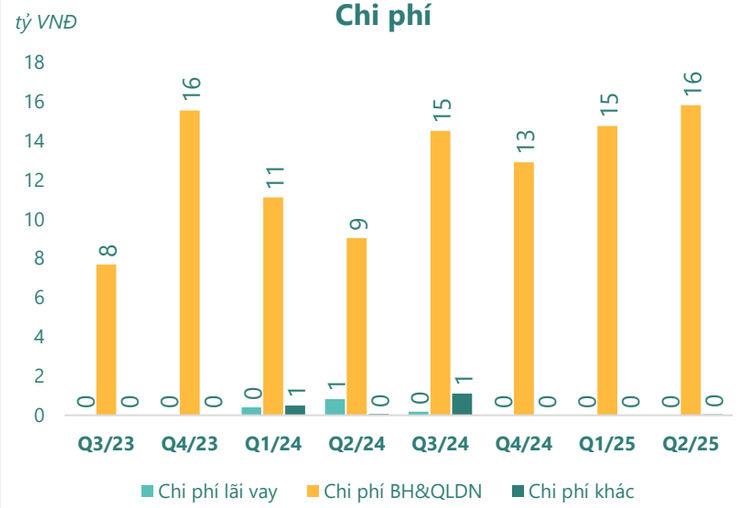
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



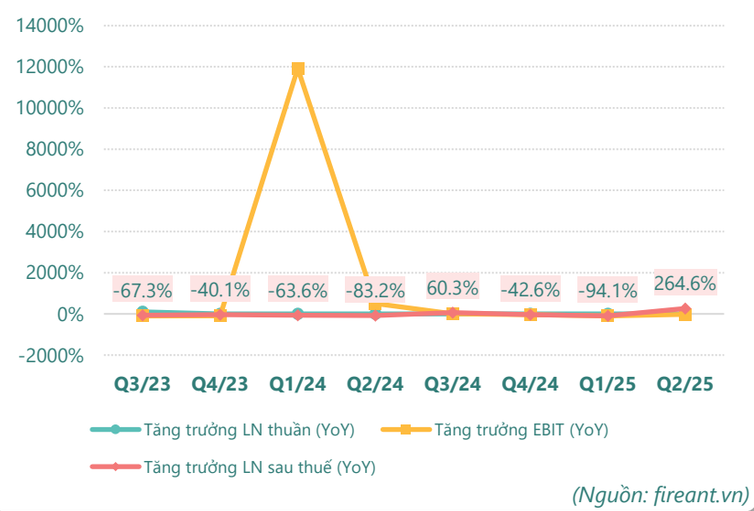
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



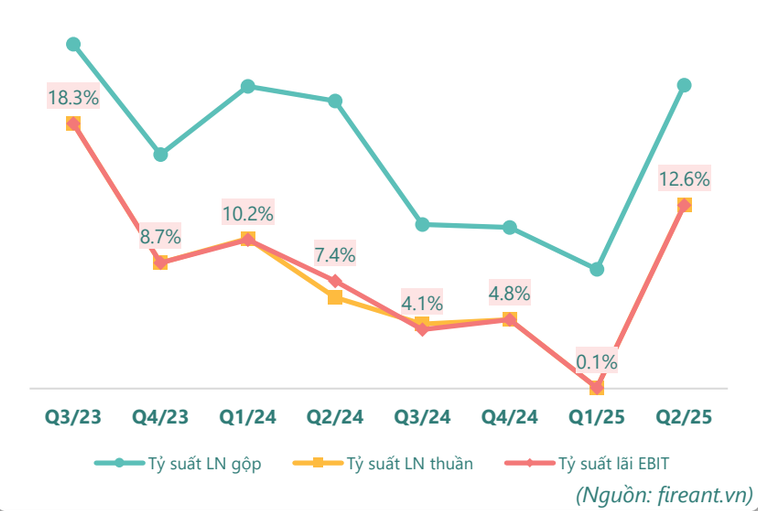
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



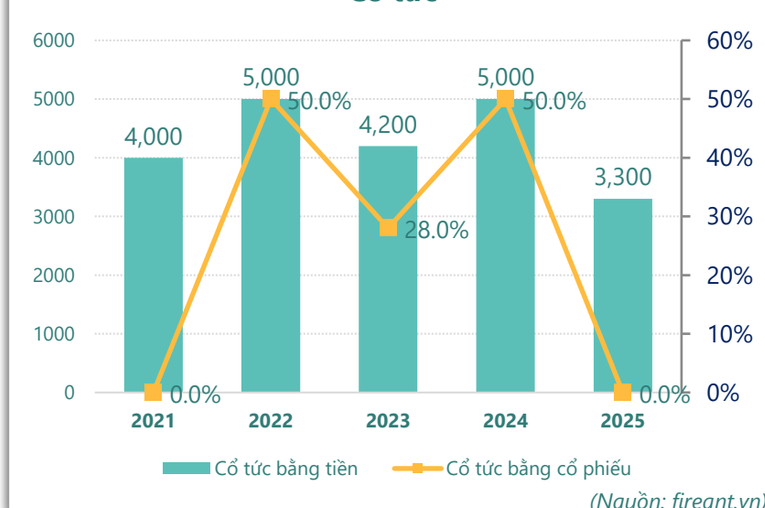
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

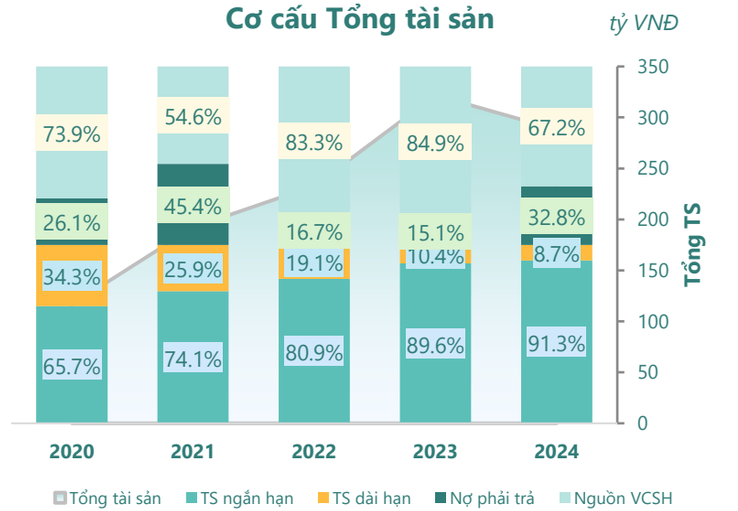
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

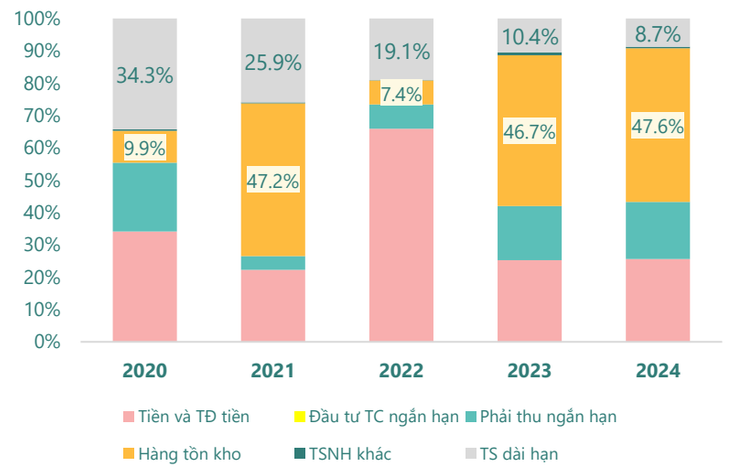
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



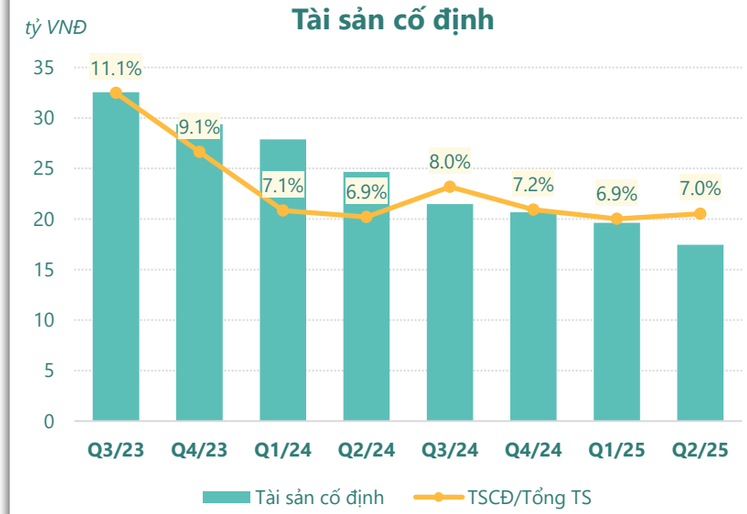
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



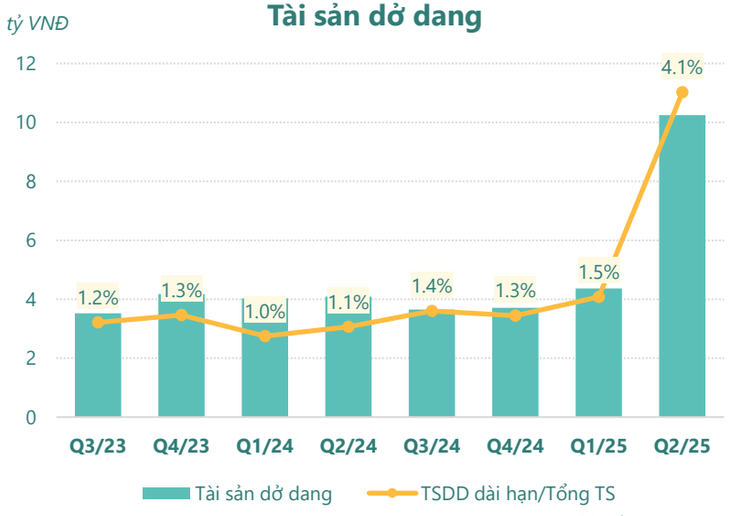
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



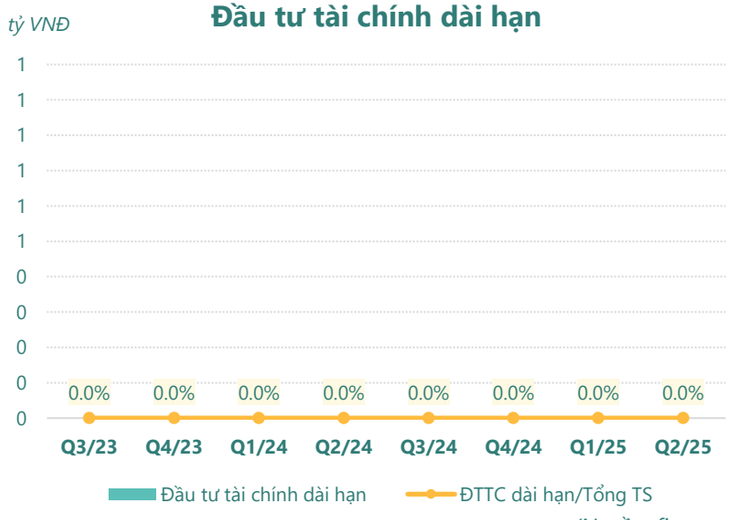
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



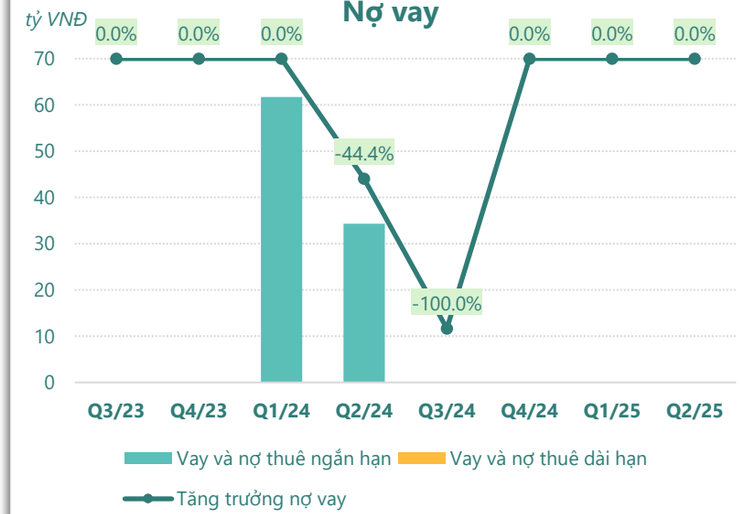
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

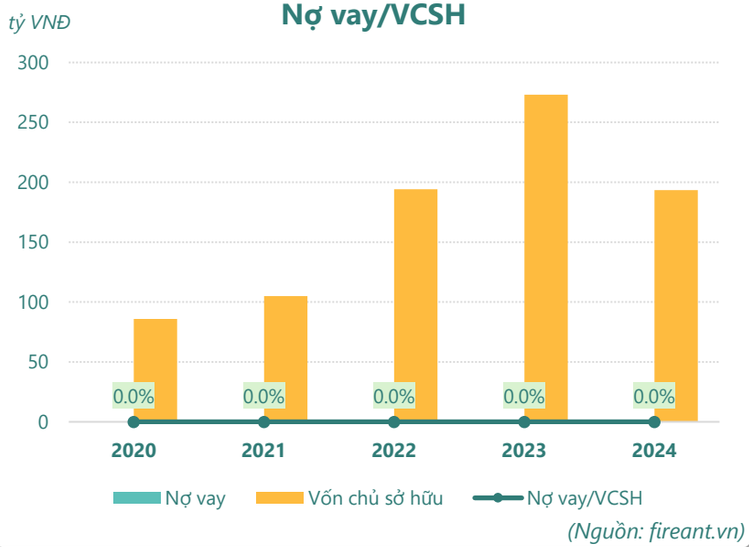
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

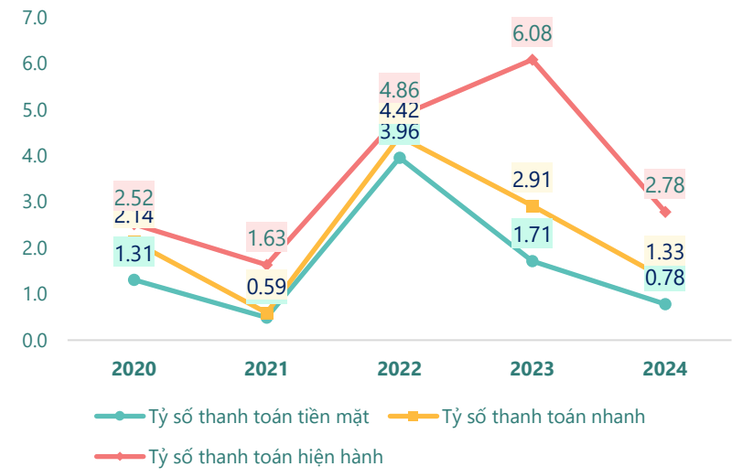
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



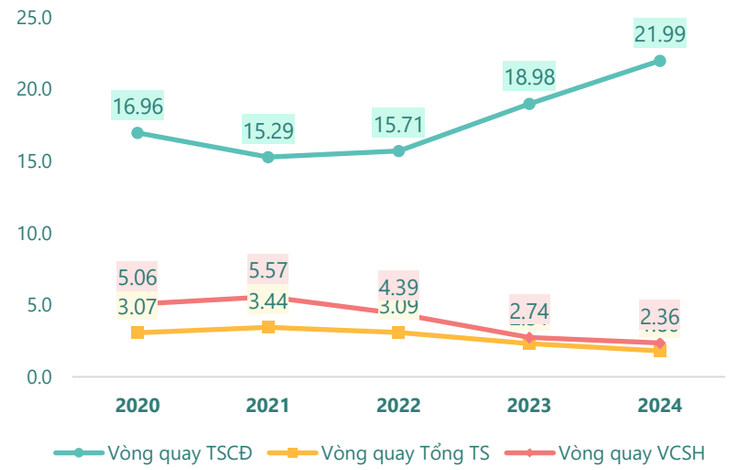
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



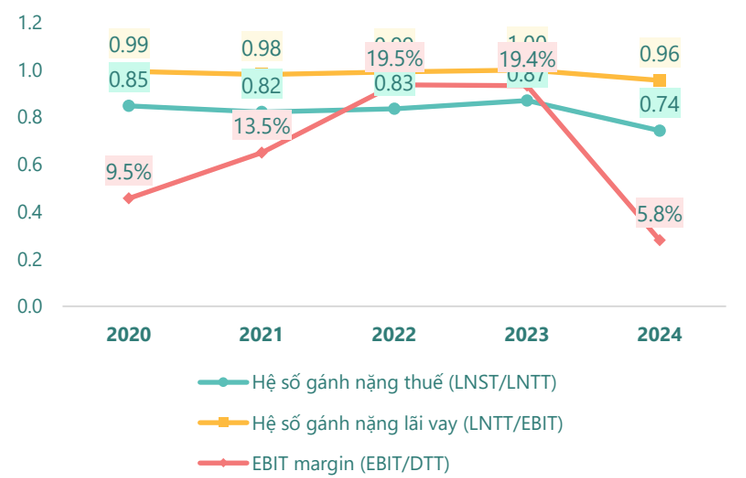
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



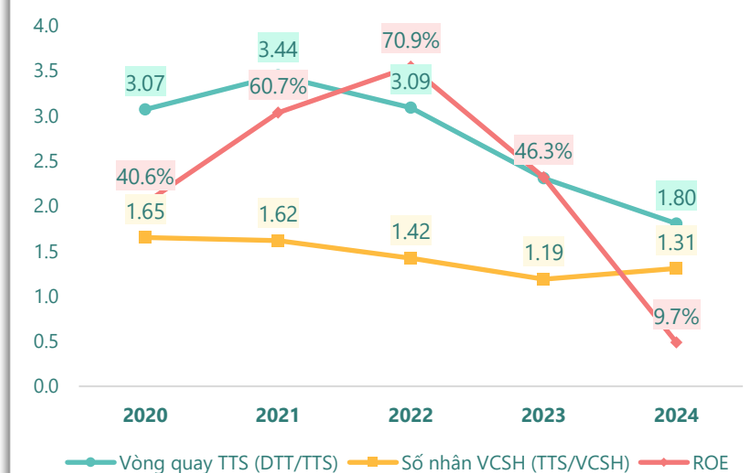
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



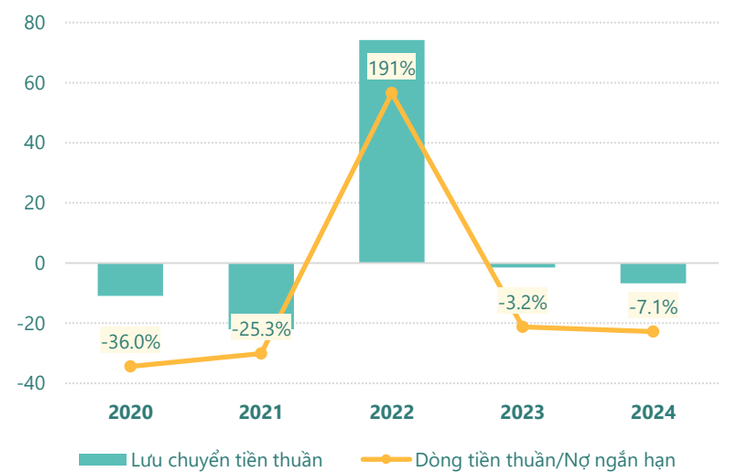
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**166**	**68.6**	**142%**	**331**	**171**	**93.7%**
Giá vốn hàng bán	131	55.0	139%	282	136	108%
Lợi nhuận gộp	34.7	13.6	155%	48.2	34.8	38.4%
Doanh thu HĐTC	2.32	0.60	287%	3.90	1.42	175%
Chi phí TC	0.20	0.83	-76.3%	0.44	1.24	-64.6%
Chi phí lãi vay	0	0.83	-100%	0	1.24	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.02	3.21	181%	16.7	7.86	113%
Chi phí QLDN	**6.80**	**5.83**	**16.7%**	**13.9**	**12.3**	**12.6%**
LN thuần từ HĐKD	21.0	4.31	387%	21.1	14.9	42.0%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**-0.06**	**28.4%**	**-0.04**	**-0.56**	**92.3%**
LN trước thuế	21.0	4.25	393%	21.0	14.3	47.2%
Lợi nhuận sau thuế	**16.9**	**3.13**	**440%**	**16.9**	**11.4**	**48.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**16.9**	**3.13**	**440%**	**16.9**	**11.4**	**48.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-239	28.3	160	-19.0	-28.3	84.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	109	6.70	-1.62	-1.68	-1.35	-69.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	61.7	-27.4	-84.5	0	0.06	-51.0
Tiền đầu kỳ	81.2	13.5	21.1	94.5	73.8	44.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-67.7**	**7.62**	**74.2**	**-20.7**	**-29.6**	**-36.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	0.01	-0.83	0.02	-0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	13.5	21.1	94.5	73.8	44.2	7.87

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**248**	**288**	**-13.9%**
Tài sản ngắn hạn	220	263	-16.4%
Tiền và tương đương tiền	7.87	73.8	-89.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	70.0	0	
Phải thu ngắn hạn	49.1	50.8	-3.5%
Hàng tồn kho	91.9	137	-32.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.03	1.33	-22.0%
Tài sản dài hạn	**28.1**	**25.1**	**12.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	17.4	20.7	-15.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.2	3.71	176%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.39**	**0.70**	**-44.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	37.5	94.5	-60.3%
Nợ ngắn hạn	**37.5**	**94.4**	**-60.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	11.1	22.5	-50.4%
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**210**	**194**	**8.7%**
Vốn chủ sở hữu	**210**	**194**	**8.7%**
Vốn điều lệ	153	153	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)